

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

Số: 1102/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuy Phước, ngày 18 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng kiên cố hóa
kênh mương nội đồng của UBND các xã, thị trấn năm 2013.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình & Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 9/5/2012 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 về ủy quyền phân cấp và phân công trách nhiệm phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế, dự toán và quản lý đấu thầu trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND huyện Tuy Phước về việc ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2013 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT huyện tại Tờ trình số 146/TTr-PNN, ngày 12/6/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn kiên cố hóa kênh mương nội đồng của UBND các xã, thị trấn năm 2013 trên địa bàn huyện, cụ thể:

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

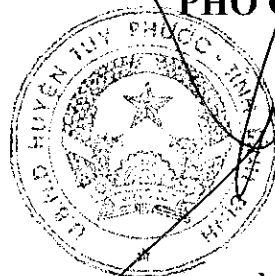
Điều 2. Căn cứ vào danh mục, kế hoạch vốn đầu tư đã được phê duyệt tại Điều 1 của quyết định này, giao Chủ tịch UBND xã, thị trấn: Phước Hưng, Phước Nghĩa, Phước Lộc, Phước Quang và thị trấn Diêu Trì có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan lập thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành để tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng phòng: Nông nghiệp & PTNT huyện, Tài chính - KH huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà Nước huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn: Phước Hưng, Phước Nghĩa, Phước Lộc, Diêu Trì và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hữu Lộc

Phụ lục: Danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng KCHKM nội đồng của UBND các xã, thị trấn năm 2013.

(Kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện)

TT	Xã, thị trấn, danh mục công trình	Chiều dài kiên cố (km)	Trong đó chia theo nguồn					Ghi chú (Hỗ trợ theo chính sách của UBND huyện)
			Tổng kinh phí đầu tư (1000 đồng)	Tổng chi phí xây lắp (1000 đồng)	Nguồn UBND huyện hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn UBND huyện hỗ trợ theo chính sách	Nguồn sử dụng đất của UBND các xã, thị trấn	
1	Xã Phước Nghĩa	0,962	1.684.981	1.399.773	780.000	96.200	808.781	
1.1	Bê tông kênh mương nhà ông Cam-kênh tiêu Rộc xúm	0,392	657.593	546.262	400.000	39.200	218.393	100 tr. đồng/1km
1.2	Bê tông kênh mương tiêu cây Da	0,087	118.998	99.466		8.700	110.298	100 tr. đồng/1km
1.3	Bê tông kênh mương công ông lục-Trạm Y tế xã	0,110	414.684	345.803		11.000	403.684	100 tr. đồng/1km
1.4	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng tuyến từ giáp kênh N21- Cổng cây Bàn (Giai đoạn 1)	0,373	493.706	408.242	380.000	37.300	76.406	100 tr. đồng/1km
2	Xã Phước Hưng	1,667	3.742.356	3.148.734	400.000	166.700	3.175.656	
2.1	Kiên cố hóa kênh mương kết hợp giao thông nội đồng Lương Lộc - Tân Hội	0,353	1.194.247	1.007.692	400.000	35.300	758.947	100 tr. đồng/1km
2.2	Bê tông kênh mương nội đồng thôn Tân Hội	0,612	1.088.329	916.600		61.200	1.027.129	100 tr. đồng/1km
2.3	Bê tông kênh mương nội đồng thôn Quảng Nghiệp	0,702	1.459.780	1.224.442		70.200	1.389.580	100 tr. đồng/1km
3	Xã Phước Lộc	1,630	2.680.000	2.110.000		738.500	1.941.500	
3.1	KCHKM Ngõ ông Bạ đến Gò Đu	0,400	640.000	520.000		182.000	458.000	35% chi phí XD
3.2	KCHKM ruộng ông Thảng đến sông Giang	0,630	1.080.000	890.000		311.500	768.500	35% chi phí XD
3.3	KCHKM sông Giang đến Quốc Lộ 19 (Kênh N2-41)	0,600	960.000	700.000		245.000	715.000	35% chi phí XD
4	TT Diêu Trì	0,483	750.000	680.000		238.000	512.000	

TT	Xã, thị trấn, danh mục công trình	Chiều dài kiên cố (km)	Trong đó chia theo nguồn				Ghi chú (Hỗ trợ theo chính sách của UBND huyện)	
			Tổng kinh phí đầu tư (1000 đồng)	Tổng chi phí xây lắp (1000 đồng)	Nguồn UBND huyện hỗ trợ có mục tiêu	Nguồn UBND huyện hỗ trợ theo chính sách		Nguồn sử dụng đất của UBND các xã, thị trấn
4.1	Kiên cố hóa kênh muong vùng Bắc hạ, thôn Điều Trì	0,483	750.000	680.000		238.000	512.000	35% chi phí XD
5	Xã Phước Quang	0,650	750.000	650.000		227.500	522.500	
5.1	KCHKM từ công qua đường trước nhà ông Man Đức Thừa xuống giáp đường BTXM đi vào đội 9	0,650	750.000	650.000		227.500	522.500	35% chi phí XD
	Tổng cộng	5,392	9.607.337	7.988.507	1.180.000	1.466.900	6.960.437	